

LESSON 2**I. NEW WORDS**

- lemonade	: nước chanh
- vegetables	: rau
- noodles	: mì ăn liền, bún, phở, miến
- milk	: sữa
- leaf	: lá cây
- dish	: đĩa, món ăn
- bread	: bánh mì
- rice	: cơm